

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2021/DS-ST**
Ngày: 08/12/2021
V/v “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản
trở trái pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐHPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Mộng H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số P, tổ Y, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số V, khu phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị Phi L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số N, khu P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số N, khu P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

+ Bà Trần Thị G, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số V, khu X, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Phi L, Trần Thị L, Trần Thị G: Bà Đặng Thị Mộng H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số O, tổ Z, khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

+ Bà Nguyễn Thị Mộng Ng, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số Y, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Trần Thanh D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số Y, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Trần Thị Kim S, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số J, đường PL, khu phố U, phường HA, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Mộng H trình bày:

Ngày 13/11/2019 bà H nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L 01 phần đất có diện tích 315,5m² thuộc thửa đất số 4578, tờ bản đồ số 17-5 tọa lạc tại phường T, thành phố Thủ D, tỉnh Bình Dương và 01 phần đất của bà Trần Thị Phi L có diện tích 342,2 m² thuộc thửa đất số 4579, tờ bản đồ số 17-5 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trên hai phần đất bà H nhận chuyển nhượng có một lối đi chung có diện tích 61,9m² thuộc thửa đất số 4605, tờ bản đồ số 17-5, diện tích tọa lạc tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS292807 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN09986/QSDĐ) do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/9/2019 cho bà Trần Thị L, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị G, bà Nguyễn Thị Mộng N, Trần Thị Kim S, Trần Thị Kim L và bà Trần Thị Phi L. Nguồn gốc đất và lối đi này do bà L và bà L được chia thừa kế từ vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hiện nay trên lối đi này có 01 phần vách tường nhà của bà L de ra khoảng 1m, 02 cây dừa, 01 cây khế và 01 cây cau nhỏ gây cản trở bà H trong việc sử dụng lối đi này để vào hai phần đất trên, bà H đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án thi hành theo Quyết định của Bản án đã tuyên nhưng cơ quan Thi hành án yêu cầu bà H phải khởi kiện tại Tòa án để buộc bà L giao lối đi đồng thời xem xét, giải quyết phần tài sản, cây trồng có trên lối đi theo qui định pháp luật. Nay, bà H yêu cầu bà L phá bỏ tường rào, di dời các cây trồng, chấm dứt hành vi cản trở để bà H được sử dụng lối đi chung có diện tích 61,9m². Bà H đồng ý hỗ trợ chi phí phá bỏ vách tường và bồi thường các cây trồng trên đất cho bà L.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Mộng H là người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị L, bà Trần Thị Phi L, bà Trần Thị G trình bày: Lối đi chung có diện tích 61,9m² thuộc thửa đất số 4605, tờ bản đồ số 17-5, diện tích tọa lạc tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS292807 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN09986/QSDĐ) do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/9/2019 cho bà Trần Thị L, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị G, bà Nguyễn Thị Mộng Ng, Trần Thị Kim S, Trần Thị Kim L và bà Trần Thị Phi L. Nguồn gốc đất và lối đi này được bà L và bà L được nhận thừa kế từ vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thống nhất với

phần trình bày của bà H buộc bà L phải chấm dứt hành vi cản trở, di dời các cây trồng trên đất để mọi người cùng sử dụng lối đi chung ngoài ra không có ý kiến gì khác.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Kim L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, Trần Thị Kim S theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Trần Thị Kim L từ chối không nhận các văn bản của Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Kim S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu độc lập.

[4]. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu cũng như quan điểm của mình.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do tình hình dịch bệnh Covia 19 kéo dài và diễn biến phức tạp nên vụ án không thể đưa ra xét xử theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là nguyên nhân khách quan.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, Bị đơn bà Trần Thị Kim L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, Trần Thị Kim S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khác phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về Tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Mộng H yêu cầu bà Trần Thị Kim L

chấm dứt việc cản trở bà H sử dụng lối đi chung có diện tích là 61,9m² tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tranh chấp giữa các đương sự là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Kim L, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Kim S được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huyền về việc yêu cầu bà Liên chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên xử: Ngoài việc xác định di sản do ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị G để lại mà các đương sự tranh chấp là phần đất tọa lạc tại phường T theo đo đạc thực tế là 1.696,9m² được phân chia cho 05 người thừa kế của ông T là Trần Thị Phi L, Trần Thị L, Trần Thị G, Trần Thị Kim L và những người thừa kế của ông Trần Văn D (gồm bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Kim S) thì bản án còn tuyên quyền cho các đương sự được cùng quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 61,9m² để làm lối đi chung.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị Phi L, Trần Thị L, Trần Thị G, Trần Thị Kim L và những người thừa kế của ông Trần Văn D (gồm bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Kim S) đã tiến hành liên hệ với cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp quyền sử dụng đối với tài sản được chia. Ngày 20/9/2019 Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS292807 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN09986/QSĐĐ) diện tích 61,9m² thuộc thửa đất số 4605, tờ bản đồ số 17-5 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho bà Trần Thị L, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị G, bà Nguyễn Thị Mộng Ng, Trần Thị Kim S, Trần Thị Kim L và bà Trần Thị Phi L. Đến ngày 13/11/2019 bà H nhận chuyển nhượng phần đất của bà Trần Thị L được thừa kế có diện tích 315,5m² thuộc thửa đất số 4578, tờ bản đồ số 17-5 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cập nhật biến động theo hồ sơ số 018657 ngày 13/11/2019 và phần đất của bà Trần Thị Phi L có diện tích 342,2 m² thuộc thửa đất số 4579, tờ bản đồ số 17-5 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cập nhật biến động theo hồ sơ số 018657 ngày 13/11/2019. Do vậy bà H là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần đất được nhận chuyển nhượng từ bà L, bà L và cùng được quyền sử dụng lối đi chung có diện tích 61,9m². Tuy nhiên, khi bà H tiến hành sử dụng lối đi chung này thì trên lối đi có 01 phần vách tường nhà của bà L de ra khoảng 1m, 02 cây dừa, 01 cây khế và 01 cây cau nhỏ đồng thời bà L ngăn

cản, không đồng ý cho bà H đi bằng lối đi này. Sự việc trên được ghi nhận tại Biên bản thi hành án ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, Biên bản hòa giải ngày 03/3/2020 của Ủy ban nhân dân phường T, Đơn xác nhận của khu phố và Ủy ban nhân dân phường T. Như phân tích ở trên thì lối đi đang có là lối đi chung của bà Đặng Thị Mộng H, bà Trần Thị G, bà Trần Thị Kim L và những người thừa kế của ông Trần Văn D (gồm bà Nguyễn Thị Mộng Ng, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Kim S) nên việc bà L có hành vi ngăn cản, chửi mắng khi bà H sử dụng lối đi chung có diện tích 61,9m² là trái với các quy định của pháp luật nên yêu cầu của bà H buộc bà L chấm dứt hành vi cản trở là phù hợp với Điều 169 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 của Luật Đất đai nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu của bà H buộc bà L phải di dời vách tường rào 1m chắn trên lối đi; 02 cây dừa, 01 cây khế và 01 cây cau nhỏ chắn trên lối đi, bà H sẽ thanh toán giá trị các cây trồng và tài sản có trên đất cho bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Lối đi chung có diện tích 61,9m² đã được xem xét giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên khi tuyên quyền cho các đương sự được cùng quản lý, sử dụng lối đi trên thì Bản án đã không xem xét xử lý tài sản, cây trồng có trên đất dẫn đến việc Bản án có phần không thể thi hành án được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng Hình sự đình chỉ yêu cầu trên của bà H đồng thời kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương gửi văn bản đề nghị Tòa án nhân dân Tối Cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án trên.

[4]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở chấp nhận một phần.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà H đã nộp và tự nguyện chịu nên không xem xét giải quyết;

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà L phải chịu 300.000 đồng do yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà L chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật được chấp nhận.

- Bà H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 264, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 169, 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Mộng H về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” đối với bị đơn bà Trần Thị Kim L. Buộc bà Trần Thị Kim L chấm dứt hành vi cản trở bà Đặng Thị Mộng H sử dụng lối đi chung có diện tích 61,9m².

2. Đình chỉ yêu cầu của bà H về việc buộc bà L di dời vách tường rào 1m; 02 cây dừa, 01 cây khế và 01 cây cau nhỏ chắn trên lối đi có diện tích 61,9m². Kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương gửi văn bản đề nghị Tòa án nhân dân Tối Cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Đặng Thị Mộng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050942 ngày 14/12/2020.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm